

Số: /KH-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH
Thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững,
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Căn cứ Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025¹; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (sau đây viết tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo.

2. Mục tiêu cụ thể

a. Mục tiêu 1: Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo.

Các chỉ tiêu đến năm 2025:

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo xuống dưới 25,5%.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo xuống dưới 5%.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em lứa tuổi học đường từ 5 tuổi đến dưới 16 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo xuống dưới 34%.

b. Mục tiêu 2: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo.

Các chỉ tiêu đến năm 2025:

¹ Có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Trên 80% trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được bổ sung vi chất dinh dưỡng.

- Trên 80% phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo được cung cấp miễn phí vi chất dinh dưỡng từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh.

c. Mục tiêu 3: Bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình trên địa bàn các huyện nghèo.

Các chỉ tiêu đến năm 2025:

- Tăng tỷ lệ trẻ em 6-23 tháng tuổi sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo ăn bổ sung đúng, đủ lên 50%.

- Tỷ lệ hộ gia đình được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp trên địa bàn các huyện nghèo đạt trên 80%.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Đối tượng hỗ trợ trực tiếp

- Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi toàn tỉnh; trẻ em dưới 16 tuổi sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo.

- Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn các huyện nghèo.

2. Đối tượng áp dụng hướng dẫn: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện và thụ hưởng từ việc thực hiện hoạt động cải thiện dinh dưỡng.

3. Phạm vi thực hiện: Thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, trọng tâm là 3 huyện nghèo: Tu Mơ Rông, Kon Plông và Ia H'Drai.

III. NGUYÊN TẮC, ĐIỀU KIỆN, PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ: Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các quy định liên quan.

IV. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CẢI THIỆN DINH DƯỠNG

1. Hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em 0-16 tuổi

a. Cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi

Thực hiện theo hướng dẫn tại Văn bản số 3598/BYT-BM-TE ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Bộ Y tế về xây dựng và triển khai Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời và tài liệu Hướng dẫn tư vấn dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Viện Dinh dưỡng và các văn bản hiện hành. Cụ thể:

- Tổ chức sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, trẻ em dưới 2 tuổi theo định kỳ tương ứng với từng thời điểm tiếp xúc. Theo dõi tăng trưởng của trẻ dưới 2 tuổi định kỳ 3 tháng/lần, trẻ suy dinh dưỡng dưới 2 tuổi hàng tháng.

- Tư vấn dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 2 tuổi về dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời.

b. Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho các nhóm đối tượng

- *Bổ sung vitamin A cho trẻ em từ 6 tháng đến 59 tháng tuổi:* Bổ sung vitamin A cho trẻ em từ 6 tháng đến 59 tháng tuổi đang sinh sống tại các huyện nghèo. Đối tượng, hàm lượng, liều bổ sung cụ thể theo hướng dẫn tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- *Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em từ 6 tháng đến 59 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi:* Bổ sung tối thiểu các vi chất dinh dưỡng theo hướng dẫn tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Ngoài ra có thể bổ sung các vi chất dinh dưỡng khác tùy theo điều kiện địa phương và tuân thủ theo các quy định hiện hành, liều bổ sung không vượt quá nhu cầu khuyến nghị của vi chất dinh dưỡng đó cho cùng đối tượng.

- *Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 16 tuổi bị suy dinh dưỡng:* Căn cứ theo mức độ ưu tiên, có thể thực hiện bổ sung các vi chất dinh dưỡng (hàng ngày) hoặc vi chất sắt (hàng tuần). Bổ sung tối thiểu các vi chất dinh dưỡng theo hướng dẫn tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Ngoài ra có thể bổ sung các vi chất dinh dưỡng khác tùy theo điều kiện địa phương và tuân thủ theo các quy định hiện hành, liều bổ sung không vượt quá nhu cầu khuyến nghị của vi chất đó cho cùng đối tượng.

- *Bổ sung vi chất sắt cho trẻ em gái vị thành niên từ 12 đến dưới 16 tuổi có kinh nguyệt:* Bổ sung tối thiểu vi chất sắt theo hướng dẫn tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Ngoài ra có thể bổ sung các vi chất dinh dưỡng khác tùy theo điều kiện địa phương và tuân thủ theo các quy định hiện hành, liều bổ sung không vượt quá nhu cầu khuyến nghị của vi chất đó cho cùng đối tượng.

- *Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai:* Địa phương căn cứ vào tình hình thực tế để lựa chọn theo mức độ ưu tiên là bổ sung các vi chất dinh dưỡng (hàng ngày) hoặc vi chất sắt/folic (hàng ngày). Bổ sung tối thiểu các vi chất dinh dưỡng theo hướng dẫn tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Ngoài ra có thể bổ sung các vi chất dinh dưỡng khác tùy theo điều kiện địa phương và tuân thủ theo các quy định hiện hành, liều bổ sung không vượt quá nhu cầu khuyến nghị của vi chất đó cho cùng đối tượng.

c. Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng

Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4487/QĐ-BYT ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn chẩn đoán về điều trị bệnh suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi và Quyết định số 3779/QĐ-BYT ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn thực hiện quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi và hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn thuộc, trực thuộc Bộ Y tế.

d. Tẩy giun định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ chuẩn bị mang thai

Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 6437/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn tẩy giun đường ruột tại cộng đồng. Đối tượng: Trẻ em từ 2 tuổi đến dưới 6 tuổi, phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ tẩy giun 2 lần/năm. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn các huyện nghèo.

đ. Lập kế hoạch và dự trữ nguồn sản phẩm dinh dưỡng cho việc ứng phó với ảnh hưởng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh đối với việc chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em

Thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật chuẩn bị và ứng phó về dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp và các hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế, thực hiện tại các huyện nghèo. Hằng năm xây dựng kế hoạch ứng phó về dinh dưỡng khẩn cấp hoặc lồng ghép trong kế hoạch ứng phó về thiên tai thảm họa của tỉnh.

e. Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp như thảo luận nhóm, hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ em cho đối tượng là phụ nữ có thai và bà mẹ/người chăm sóc trẻ dưới 2 tuổi tại trạm y tế xã, phường, thị trấn, thôn (làng).

Thực hiện theo Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản; Văn bản số 3598/BYT-BM-TE ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng và triển khai Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Bộ Y tế và các hướng dẫn khác của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

g. Tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh

Thực hiện theo các hướng dẫn chuyên môn hiện hành của ngành y tế và giáo dục. Phối hợp giữa ngành giáo dục và ngành y tế, lập kế hoạch, tập huấn cho các cán bộ triển khai dự án về tổ chức bữa ăn học đường, các kiến thức và kỹ năng giáo dục dinh dưỡng học đường, đẩy mạnh chất lượng giáo dục dinh dưỡng chính khóa và các hình thức ngoại khóa phù hợp với điều kiện địa

phương. Cán bộ y tế có vai trò tham gia hướng dẫn chuyên môn và giám sát hoạt động cho các trường học triển khai bữa ăn bán trú và công tác giáo dục dinh dưỡng trong trường học, phối hợp với giáo dục dinh dưỡng tại gia đình. Triển khai các mô hình tạo nguồn thực phẩm tại chỗ ở địa phương thông qua kết hợp với các dự án thành phần khác của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

h. Tư vấn dinh dưỡng về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học

Thực hiện theo các hướng dẫn hiện hành của ngành y tế và ngành giáo dục và đào tạo (Thông tư 23/2017/TT-BYT ngày 15 tháng 05 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em; Tài liệu hướng dẫn công tác y tế trường học ban hành theo Quyết định 3822/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản cập nhật nếu có).

i. Hướng dẫn, tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng hằng năm và định kỳ theo kế hoạch của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em dưới 16 tuổi và phụ nữ mang thai trên địa bàn các huyện nghèo

Thực hiện theo hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế (tùy theo thực tế, có thể bao gồm: cân đo nhân trắc, xét nghiệm máu, phỏng vấn khẩu phần, chế độ ăn, thói quen tiêu thụ thực phẩm, phỏng vấn thông tin nhân khẩu học, tiền sử nuôi dưỡng, tiền sử bệnh tật, phỏng vấn về thực hành dinh dưỡng và các yếu tố nguy cơ...). Đối tượng phỏng vấn bao gồm cả đối tượng thụ hưởng chương trình và các đối tượng có tham gia chương trình hoặc ảnh hưởng đến đối tượng thụ hưởng.

k. Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cho cơ sở y tế tỉnh, huyện, xã, thôn và trường học, cung cấp các dụng cụ thực hành dinh dưỡng, vật tư y tế, tài liệu truyền thông, tài liệu chuyên môn để triển khai các hoạt động theo dõi, giám sát tình trạng dinh dưỡng và can thiệp tại cộng đồng. Địa phương rà soát lại hiện trạng và thực hiện theo các quy định hiện hành về mua sắm, cấp phát và quản lý.

l. Tổ chức hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế các tuyến, nhân viên y tế thôn, cộng tác viên dinh dưỡng, y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em

- Hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ dinh dưỡng tuyến tỉnh, huyện, xã và thôn về công tác triển khai và các kỹ thuật chuyên môn triển khai hoạt động về dinh dưỡng.

- Hướng dẫn, tập huấn cho y tế trường học và giáo viên trường học tuyến

tỉnh, huyện, xã để hỗ trợ triển khai hoạt động về dinh dưỡng tại trường học.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề cho cán bộ y tế tuyến tỉnh, huyện xã, nhân viên y tế thôn, y tế trường học, giáo viên, cán bộ giảm nghèo, cán bộ nông nghiệp, phụ nữ về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng phụ nữ, trẻ em từ 0 đến dưới 16 tuổi.

2. Hoạt động về truyền thông dinh dưỡng

- Xây dựng, biên tập các nội dung truyền thông hoặc sử dụng các tài liệu truyền thông do Trung ương cấp để truyền thông tại cộng đồng. Nhân bản, phát sóng, phát hành nội dung truyền thông bằng nhiều hình thức và nhiều kênh truyền thông, bao gồm truyền thông đại chúng, loa đài, báo giấy, tờ rơi, pano, áp phích, khẩu hiệu, tháp dinh dưỡng, đoạn băng hình, internet-mạng xã hội, phần mềm công nghệ số.

- Tổ chức các chiến dịch, lễ phát động, các buổi truyền thông trong Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày Vi chất dinh dưỡng, ngày tiêm chủng theo điều kiện và kế hoạch của địa phương, và dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế hàng năm.

3. Hoạt động về kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá thực hiện

Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát, khảo sát và đánh giá thực hiện theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội²; Kế hoạch số 2442/KH-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh³; Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Tuyên tỉnh, huyện theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động dinh dưỡng tuyến xã, phường và thôn. Thực hiện giám sát theo kế hoạch hằng năm.

- Lập kế hoạch thu thập các thông tin để khảo sát, đánh giá đầu vào cho các huyện, xã can thiệp. Hàng năm có khảo sát, đánh giá lại và khảo sát, đánh giá cuối kỳ.

- Theo dõi và báo cáo các chỉ số giám sát quá trình triển khai hoạt động (*Phụ lục 2 kèm theo Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế*) theo quy định.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí bố trí cho nhiệm vụ cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm:

- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng. Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng.

² Hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 2021-2025

³ Triển khai công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin; Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều.

- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình; Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Đầu mối tổ chức thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch và hướng dẫn các địa phương lồng ghép việc thực hiện các hoạt động có liên quan trên cùng địa bàn, đảm bảo tránh trường hợp trùng lặp nhiệm vụ (*đặc biệt là nhiệm vụ của Sở Y tế và nhiệm vụ của địa phương*) khi thực hiện Dự án 3, Tiểu dự án 2 Cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021-2025.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, cập nhật các văn bản hướng dẫn của trung ương và kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung các giải pháp nhằm đảm bảo việc triển khai thực hiện Kế hoạch đạt được các chỉ tiêu đề ra.

- Hằng năm phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Kế hoạch hoạt động và lập dự toán kinh phí chi tiết gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch. Định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế theo quy định.

2. Sở Tài chính: Phối hợp với các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế và các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu cấp thẩm quyền phân bổ nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển (nếu có) và huy động các nguồn vốn hỗ trợ đầu tư phát triển hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ban, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan tham mưu triển khai công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo làm căn cứ thực hiện chính sách cho trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo

và trẻ em sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo. Căn cứ chức năng nhiệm vụ phối hợp với Sở Y tế tham gia giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động, tổng hợp báo cáo theo quy định.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện chính sách, quy định pháp luật về đảm bảo dinh dưỡng hợp lý, tăng cường hoạt động thể lực, an toàn thực phẩm, vệ sinh phòng bệnh, phòng chống các yếu tố nguy cơ với sức khỏe và chăm sóc sức khỏe cho học sinh tại các cơ sở giáo dục.

- Tổ chức triển khai các chương trình, hoạt động về chăm sóc bữa ăn học đường, theo dõi đánh giá dinh dưỡng, giáo dục dinh dưỡng, tư vấn và hỗ trợ sản phẩm dinh dưỡng. Củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả công tác y tế trường học, bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh.

6. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Y tế tăng cường hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền về nội dung cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị phối hợp với Sở Y tế và các địa phương để triển khai hiệu quả các hoạt động của nội dung “Cải thiện dinh dưỡng”.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Căn cứ kế hoạch vốn được giao hàng năm (*bao gồm nguồn đối ứng ngân sách địa phương*), xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đảm bảo đúng phạm vi, đối tượng thụ hưởng và đạt mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Trung tâm Y tế huyện, thành phố và Trạm y tế các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện các nội dung hoạt động “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn theo Kế hoạch.

- Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định hiện hành.

- Chủ động lồng ghép các hoạt động Cải thiện dinh dưỡng với các chương trình, đề án, chiến lược khác có liên quan trên địa bàn.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện (định kỳ, đột xuất) về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế theo quy định.

9. Các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ:

Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động cải thiện dinh dưỡng trên địa bàn, đảm bảo đúng đối tượng được hưởng lợi, đạt mục tiêu và hiệu quả, đúng quy định về nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác để thực hiện các hoạt động cải thiện dinh dưỡng. Đối với các hoạt động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt⁴ thì vẫn tiếp tục thực hiện cho đến khi hoạt động kết thúc.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, yêu cầu các đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Y tế tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, điều chỉnh theo quy định.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 632/KH-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh⁵./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Viện Dinh dưỡng;
- Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan (Mục VI);
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP Phụ trách KGVX;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX.PTP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Ngọc

⁴ Theo quy định tại Quyết định số 1368/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

⁵ Về thực hiện nội dung "Cải thiện dinh dưỡng" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh

Phụ lục 01
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NỘI DUNG “CẢI THIỆN DINH DƯỠNG”
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Mục tiêu/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch đến năm 2025	Huyện Tu Mơ Rông	Huyện Kon Plông	Huyện Ia H'Drai	Các huyện còn lại
Mục tiêu 1	Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo						
1	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo	%	< 25,5	28,6	24,1	17,7	
2	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo	%	< 5,0	<5,0	<5,0	<5,0	
3	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em lứa tuổi học đường từ 5 đến dưới 16 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo	%	< 34,0	<34,0	<34,0	<34,0	
Mục tiêu 2	Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo						
1	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được bổ sung vi chất dinh dưỡng	%	> 80,0	>80,0	>80,0	>80,0	>80,0
2	Tỷ lệ phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo được cung cấp miễn phí vi chất dinh dưỡng từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh	%	> 80,0	>80,0	>80,0	>80,0	
Mục tiêu 3	Bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình trên địa bàn các huyện nghèo						
1	Tỷ lệ trẻ em 6-23 tháng tuổi sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo ăn bổ sung đúng, đủ	%	50,0	50,0	50,0	50,0	
2	Tỷ lệ hộ gia đình được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp trên địa bàn các huyện nghèo	%	> 80,0	>80,0	>80,0	>80,0	